

# Ca dao tục ngữ Việt Nam

Tailieu.vn

Ca dao, tục ngữ, dân ca truyền miệng của Việt Nam, có sắc thái độc đáo, khó sánh được. Câu 6, câu 8, có vần, có điệu, ý nghĩa và tinh tế và vô danh chẳng biết tác giả là ai. Thuộc giới bình dân hay trí thức, nông dân hay thầy giáo" ? Chỉ biết riêng ca dao mênh mông kỳ thú, phản ánh nếp sống, lối suy nghĩ của dân tộc Việt trải qua 4000 năm văn hiến. Một dân tộc văn minh, nhiều nghị lực, dũng cảm, đầy thi vị.

Ca dao tục ngữ là niềm tự hào to lớn của dân tộc Việt Nam. Không phải dân tộc nào cũng có được văn chương và thi sĩ tinh như thế. Non nước Việt Nam đẹp nghìn thu, vô song. Người nước Việt cũng khác thường. Trải qua nhiều thời đại, kho tàng văn chương bình dân Việt Nam càng phong phú, súc tích với biết bao câu tục ngữ, ca dao, những câu hát điệu hò muôn hình muôn vẻ. Dân ca là ca dao đã được dân gian hát và hò qua nhiều thể điệu đặc thù của từng địa phương.

Ca dao, tục ngữ, kho tàng văn học phong phú, là kiến thức vô giá. Ca dao thể hiện nghệ thuật sống đẹp, phong tục tập quán, tín ngưỡng. Ca dao đầy tình nghĩa : Tình cảm trai gái, vợ chồng, cha mẹ, con cái, anh em, tình cảm giữa con người với thiên nhiên, cây cối loài vật.

Ca dao, tục ngữ, dân ca đặc cao giá trị nếp sống của con người tự do xã hội chủ nghĩa. Ca dao bảo vệ chân thiện mỹ, đề cao cái đẹp cái hay, chỉ trích cái xấu trong xã hội loài người.

Ca dao tục ngữ là một hành trình tìm về cội nguồn của nước Việt Nam mến yêu. Đọc ca dao để thấy khí thiêng sông núi Việt, đọc ca dao để thấy tinh thần hiện hữu, bản sắc dân tộc của dân tộc Việt. Thấy ra ý thức dân tộc và sức mạnh tinh thần của người Việt, thấy cái tinh thần kháng chiến quật cường của người Việt, nhất định không chịu đồng hoá.

Hãy đọc ca dao, tục ngữ dân ca để thấy thông điệp của tiền nhân để muôn đời cho dân con nước Việt.

## THÀNH NGỮ

Trong ngôn ngữ Việt có hẳn một kho thành ngữ, trong đó phải kể đến những câu, những lời bình nghị sinh động về phẩm cách con người, về đạo lý ở đời, về nhân tình thế thái. Chỉ kể những câu có bốn từ, bốn tiếng đăng đối giàu biểu cảm người ta đã có thể liệt kê ra rất nhiều. Xin viện dẫn: "Xấu người đẹp nết", "Giấu đầu hở đuôi", "Cười thuê khóc mướn", "Nước chảy đá mòn", "Giận cá chém thớt", "Bóc ngắn cắn dài", "Bòn tro đãi sạn", "Chọn đá thử vàng", "Dễ cùi tốt mã", "Văn mình vợ người", "Ma chê cưới trách", "Quýt làm cam chịu", "Con đại cái mang", "Chị ngã em nâng", "Công cha nghĩa mẹ", "Môi hở răng lạnh"...

Đặc điểm của loại thành ngữ này là bốn từ đều là từ đơn, đứng độc lập, có nghĩa riêng; chia thành hai cặp đối xứng nhau. Ví như câu "Xấu người đẹp nết" thì xấu, người, đẹp, nết; bốn từ đơn mang hàm nghĩa riêng, độc lập, không cần liên kết hoặc phụ thuộc vào từ khác; chia thành hai cặp đối xứng là xấu người đối với đẹp nết; đối cả ý lẫn lời; xấu đối với đẹp, người đối với nết. Toàn bộ câu thành ngữ đại ý nói: người ta không được trời phú cho cái nhan sắc bề ngoài, thậm chí bề ngoài không vừa mắt ai song cái người "xấu người" ấy hoá ra lại mang vẻ đẹp bên trong, giàu có về đạo đức, về đường ăn nết ở mà người Việt gộp chung vào khái niệm "nết". Gần nghĩa với câu này còn có câu "mạnh miệng" hơn là "cái nết đánh chết cái đẹp" - đương nhiên "đánh chết" chỉ là cách nói cường điệu gây ấn tượng, nhấn mạnh phần hơn hẳn, phần ưu việt của nết so với vẻ đẹp hình thức. Phân tích thêm câu "văn mình vợ người" nói về một cái

"thói đời" chung khá phổ biến ở giới mày râu là tự cho văn mình bao giờ cũng hay hơn văn người, ngược lại vợ người thường bao giờ cũng đẹp hơn vợ mình trong con mắt soi ngắm của họ. Bốn từ đơn "văn, mình, vợ, người" đều có nghĩa riêng; chia thành hai cặp từ đối xứng: văn mình và vợ người. "Văn" đối với "vợ", "mình" đối với "người". Câu thành ngữ có ý khéo phê tính chủ quan, cảm tính của cánh đàn ông, tự phụ cho văn mình hơn hẳn văn người khác; song vì đã quá quen nên họ chỉ thấy vợ mình là người bình thường, thậm chí tầm thường; chỉ thấy vợ người là đáng để chiêm ngưỡng. Những câu thành ngữ bốn từ bốn tiếng chia thành hai vế đối cả lời lẫn ý trên đây thường được người Việt dùng để phẩm bình trong những trường hợp thấy sự đời tương ứng để biểu tỏ thái độ khen chê. Ví như nói về một cô gái nào đó trời không cho sắc đẹp, thậm chí xấu người nhưng đức hạnh thì người ta có thể nói "cô ấy xấu người đẹp nét" nên ai cũng quý.

Cũng có khi người Việt chỉ cần dùng nguyên văn thành ngữ, chẳng cần diễn giải thêm người nghe vẫn hiểu hết ý tứ. Ví như nói về một ai đó làm ít song lại hoang tiêu, người ta nói ngay: đồ "bóc ngắn cắn dài". Đây là cách nói tượng hình, lấy hình ảnh người ăn chuối, bóc thì ngắn - cắn thì dài, có khi "ăn" cả vào vỏ. Cách nói ấy dường như chỉ có người Việt mới cảm được, rất khó chuyển ngữ những câu thành ngữ hình tượng hoá đại loại như thế vì ở đây có sự liên tưởng rất xa.

Theo định nghĩa trong Tập "Tục Ngữ, Thành Ngữ Ca Dao và Dân Ca Việt Nam" của cụ Trần Ngọc Ngải, Chicago, Illinois, USA 1997:

- Ca Dao (petit chanson populaire) = Câu hát ngắn thành khúc điệu được phổ thông trong dân gian
- Cách Ngôn (Précepte, Maxime) = Lời nói làm khuôn phép (cách kiêu mẫu, khuôn mẫu)
- Châm Ngôn ((Précepte, conseil) Lời văn có vần điệu để khuyên đời
- Dân Ca (Chanson populaire) Bài ca có tính cách dân tộc, dễ hiểu và hợp với tâm tình đơn giản của nhân dân
- Ngạn Ngữ (Proverbe, dicton populaire) Câu nói ngắn gọn của dân gian với mục đích răn dạy
- Phong Dao (Chanson populaire) = Lời ca câu hát của dân gian tại các địa phương mà có thể hiểu được phong tục tập quán của một dân tộc trong lịch sử
- Phương Ngôn (Proverbe) = Lời nói thông dụng của từng địa phương có ý nghĩa như câu tục ngữ
- Tục Ngữ (Proverbe) = Câu nói có tính cách răn dạy hay châm biếm chuyện đời
- Thành Ngữ = Là những câu nói ngắn gọn dân gian thường dùng trong khi nói hay viết cho có vẻ màu mè. (Trang 3)

Theo Ông Lê Gia trong bộ sưu tập "Tâm Hồn Mẹ Việt Nam" (NXB Văn Nghệ, 1994) đưa ra những nhận định khá khác biệt với những Sưu tầm ca dao trước đây. (Trang 13 - 30 Quyển Một)

a. Tục Ngữ: Câu nói dựa theo phong tục ăn sâu vào tư tưởng mọi người, được mọi người chấp nhận và truyền tụng. (trang 13)